

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST

Ngày 10 – 3 – 2023

V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Khuru Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị N, sinh năm 1958; địa chỉ: Số CC, đường P, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1988 và anh Trịnh Phước Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, khóm B, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng TT; trụ sở: Khu dân cư L, khóm X, phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T.

Chị Võ Ngọc P1, sinh năm 1983 và chị Võ Mai P, sinh năm 1988; địa chỉ: Số CC, đường P, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; đại diện theo ủy quyền của chị Ngọc P1, Mai P: Bà Cao Thị N

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Cao Thị N trình bày:

Ngày 12/6/2014, bà Cao Thị N đứng ra mua 02 căn nhà (đường số 14) cho hai con ruột của bà N là chị Võ Ngọc P1 và Võ Mai P, chị Ngọc P1 và công ty Cổ phần đầu tư xây dựng TT ký hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số

65/T6/ĐC/2014 theo đó chị Ngọc P1 mua căn nhà số 29 đường 14, hướng Nam, khu dân cư TT, thuộc thửa số 947, tờ bản đồ số 08, sổ giấy chứng nhận BK 513681 cấp ngày 25/12/2012 cho công ty TT và chị Võ Mai P ký với công ty TT hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số 64/T6/ĐC/2014 theo đó chị Mai P mua căn nhà số 27 đường 14, hướng Nam, khu dân cư TT, thuộc thửa số 948, tờ bản đồ số 08, sổ sổ BK 513682, cấp ngày 25/12/2012 cho công ty TT.

Theo thỏa thuận bà N đã thanh toán cho công ty TT 200.000.000 đồng tiền mặt, số tiền mua nhà này là của bà N cho chị Ngọc P1, Mai P. Sau đó, do công ty TT chậm trễ không xây dựng nhà đúng tiến độ nên anh Đ và chị D đến gặp và đề xuất muốn bà N nhượng lại 02 nền trên cho anh Đ và chị D xây dựng nhà bán cho người khác và trả lại 200.000.000 đồng cho bà N thì bà N, chị Ngọc P1 và chị Mai P đồng ý. Khi thỏa thuận hai bên ký giấy cam kết thể hiện nội dung trên, thời gian cam kết 24/7/2017, hạn đến ngày 01/9/2017 anh Đ và chị D sẽ trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà N, trong trường hợp không trả tiền được thì sẽ trả lãi 5%/tháng tính từ ngày 24/7/2017. Sau 03 tháng kể từ ngày 01/9/2017, nếu không giao được tiền thì anh Đ và chị D sẽ giao tài sản xây dựng trên đất và giao lại 02 nền đất không cần bà N bồi thường chi phí đã xây dựng trên đất.

Nay bà N được anh Đ và chị D đã bán nền cho người khác ở, không giao nền cũng như giao nhà cho bà N và cũng không trả tiền như thỏa thuận nên bà khởi kiện yêu cầu anh Đ và chị D trả cho bà tiền gốc là 200.000.000 đồng, lãi tính từ 01/9/2017 đến khi trả xong các khoản tiền, lãi suất là 20%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đ và chị D đã trả cho bà N số tiền lãi là 40.000.000 đồng, nay bà N đồng ý đối trừ số tiền lãi này.

Bà N xác định đã thỏa thuận giao nhà cho chị D và anh Đ xây dựng, hiện nay căn nhà đã do người khác sử dụng nên bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu chị D và anh Đ trả tiền, nhà đã bán nên không yêu cầu chị D và anh Đ giao lại nhà như thỏa thuận, bà đồng ý hủy bỏ hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số 65/T6/ĐC/2014 và số 65/T6/ĐC/2014 ngày 12/6/2014 với công ty TT.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D không có ý kiến trình bày.

Theo biên bản ghi lời khai tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng TT do ông Nguyễn Hữu T là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 12/6/2014, công ty TT và chị Võ Ngọc P1 ký hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số 65/T6/ĐC/2014 theo đó chị Ngọc P1 mua căn nhà số 29 đường 14, hướng Nam, khu dân cư TT, thuộc thửa số 947, tờ bản đồ số 08, sổ sổ BK 513681, cấp ngày 25/12/2012 cho công ty TT, cùng ngày công ty TT và chị Võ Mai P ký hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số 64/T6/ĐC/2014 theo đó chị Mai P mua căn nhà số 27 đường 14, hướng Nam, khu dân cư TT, thuộc thửa số 948, tờ bản đồ số 08, sổ sổ BK 513682, cấp ngày 25/12/2012 cho công ty TT. Thỏa thuận thanh toán 04 đợt. Tuy chị Ngọc P1 và chị Mai P đứng tên trên hợp đồng nhưng trên thực tế bà Cao Thị N là người thanh toán cho công ty do bà N là mẹ của chị Ngọc P1 và chị Mai P. Quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã thanh

toán cho công ty 100.000.000 đồng/căn.

Sau đó, Công ty TT được biết bà N có giao nhà cho chị Nguyễn Ngọc D và anh Trịnh Phước Đ xây dựng để bán lại cho người khác cũng với giá 100.000.000 đồng/căn, giữa bà N và anh Đ, chị D thỏa thuận như thế nào thì Công ty không biết nhưng Công ty cũng không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này. Chị Mai P và chị Ngọc P1 (mà đại diện là bà Cao Thị N) đã giao lại quyền cho anh Đ và chị D xây nhà bán lại cho người khác nên không thể thực hiện hợp đồng vì vậy công ty Tiên Long thống nhất chấm dứt 02 hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số 64/T6/ĐC/2014 và số 65/T6/ĐC/2014 ngày 12/6/2014.

Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Võ Ngọc P1 và chị Võ Mai P cùng thống nhất trình bày:

Ngày 12/6/2014, chị Mai P ký kết hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số 64/T6/ĐC/2014 với công ty cổ phần đầu tư xây dựng TT theo đó chị Mai P mua căn nhà số 27 đường 14, hướng Nam, khu dân cư TT, thuộc thửa số 948, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 513682, cấp ngày 25/12/2012 cho công ty TT. Cùng ngày chị Ngọc P1 ký kết hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số 65/T6/ĐC/2014 với công ty cổ phần đầu tư xây dựng TT, theo đó chị Ngọc P1 mua căn nhà số 29 đường 14, hướng Nam, khu dân cư TT, thuộc thửa số 947, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 513681, cấp ngày 25/12/2012 cho công ty TT.

Số tiền mua nhà là do mẹ chị Ngọc P1 và chị Mai P là bà Cao Thị N cho nên các chị đồng ý để bà N giao 02 căn nhà cho chị Nguyễn Ngọc D và anh Trịnh Phước Đ xây dựng và trả tiền cho bà N. Đồng thời, đồng ý cho mẹ các chị là bà Cao Thị N toàn quyền quyết định đối với tài sản này, cũng đồng ý tất cả các quyết định của bà N trong vụ án, ý kiến của bà N là ý kiến của chị Ngọc P1, Mai P. Việc bà N khởi kiện anh Đ chị D thì chị Ngọc P1, Mai P cũng đồng ý.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Bà Cao Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trịnh Phước Đ, chị Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Hữu T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên tòa án căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định nên về tố tụng Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N, buộc Chị Nguyễn Ngọc D và anh Trịnh Phước Đ cùng có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền gốc là 200.000.0000 đồng.

Về lãi: Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đ và chị D đã trả cho bà N số tiền lãi là 40.000.000 đồng nên buộc chị D và anh Đ trả cho bà N tiền lãi tính từ 01/9/2017 đến khi trả xong các khoản tiền theo lãi suất là 20%/năm đối trừ số tiền lãi 40.000.000 đồng anh Đ, chị D đã thanh toán.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N đối với anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D về việc buộc anh Đ, chị D giao cho bà N 02 nền số 27 và 29 Hướng nam đường 14 Khu dân cư TT, khóm X, phường 5, thành phố Bạc Liêu và phần cấu trúc xây dựng trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 200.000.0000 đồng và tiền lãi, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D cùng có nơi cư trú tại khóm 1, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Bà Cao Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trịnh Phước Đ, chị Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Hữu T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên tòa án căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định nên về tố tụng Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch đối với số tiền 200.000.000 đồng được hai bên ký kết ngày 24/7/2017, tính đến ngày khởi kiện đã trên 03 năm, tuy nhiên anh Đ thừa nhận nghĩa vụ tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 08/9/2022 tại Tòa án và chị D, anh Đ tuy đã được tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng, biết về việc bà N khởi kiện tại Tòa án nhưng không đặt ra yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 157; Điều 429; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

Về quyền khởi kiện vụ án, hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số 64/T6/ĐC/2014 được ký kết giữa chị Võ Mai P với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TT, hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số 65/T6/ĐC/2014 được ký kết giữa chị Võ Ngọc P1 với công ty cổ phần đầu tư xây dựng TT, tuy nhiên chị Ngọc P1 và Mai P thống nhất giao cho bà Cao Thị N toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến vụ việc và được quyền khởi kiện vụ án do đó bà Cao Thị N có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 365 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số 64/T6/ĐC/2014 được ký kết giữa chị Võ Mai P với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TT, hợp đồng mua nhà thu nhập thấp số 65/T6/ĐC/2014 được ký kết giữa chị Võ Ngọc P1 với công ty cổ phần đầu tư xây dựng TT, bà N và công ty TT đều thống nhất chấm dứt hợp

đồng tuy nhiên không có đương sự nào đặt ra yêu cầu đối với 02 hợp đồng này nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, các đương sự được yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Cao Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D về việc buộc anh Đ, chị D giao 02 nền số 27 và 29 Hướng nam đường 14 Khu dân cư TT và phần cấu trúc xây dựng trên đất, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện nói trên là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vi phạm pháp luật nên đình chỉ xét xử sơ thẩm về phần này.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N đối với anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D về tiền gốc là 200.000.000 đồng; anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D không có ý kiến trình bày, không đến Tòa án tham gia phiên tòa phiên họp, phiên hòa giải tuy nhiên căn cứ các “*giấy cam kết*” ngày 24/7/2017, ngày 04/11/2018, ngày 28/9/2019, phù hợp với nội dung giao dịch như bà Cao Thị N trình bày và phù hợp với lời trình bày của anh Trịnh Phước Đ tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành ngày 08/9/2022, có căn cứ xác định giao dịch giữa chị Nguyễn Ngọc D, anh Trịnh Phước Đ và bà Cao Thị N là có xảy ra trên thực tế.

Tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh như sau: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...*”, đồng thời “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”, “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”, từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D không đưa ra được bất cứ tài liệu chứng cứ nào để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến trình bày, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải cho thấy anh Đ, chị D đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng.

Về lãi: Căn cứ giấy cam kết ngày 24/7/2017 có nội dung: “*nếu đến thời hạn trên mà tôi không hoàn trả đủ số tiền nói trên thì tôi tự nguyện trả lãi cho chủ đất 5%/tháng*”, do đó, có căn cứ xác định giữa bà N và chị D anh Đ có thỏa thuận thời hạn thanh toán và lãi suất, khi đến hạn thanh toán chị D và anh Đ không trả tiền theo thỏa thuận nên phát sinh trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà N yêu cầu chị D và anh Đ thanh toán tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm từ ngày 01/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu của bà Cao Thị N là có căn cứ được chấp nhận.

Do bà N xác định chị D và anh Đ đã trả số tiền 40.000.000 đồng lãi, số tiền lãi này thấp hơn tổng số tiền lãi theo quy định pháp luật chị D, anh Đ phải trả cho bà N nên buộc chị Nguyễn Ngọc D và anh Trịnh Phước Đ thanh toán cho bà Cao Thị N số tiền lãi tính từ ngày 01/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 05 năm 06 tháng 09 ngày (66,3 tháng) với lãi suất 20%/năm là: $(20\%/năm/12 \text{ tháng} \times 200.000.000 \text{ đồng} \times 66,3 \text{ tháng}) - 40.000.000 \text{ đồng} = 181.000.000 \text{ đồng}$.

Từ nội dung trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N đối với anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D về số tiền nợ gốc là 200.000.0000 đồng và lãi là 181.000.000 đồng, chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về án phí:

Bà Cao Thị N không phải nộp án phí.

Anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị N số tiền nợ vay gốc là 200.000.0000 đồng, lãi là 181.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: $(200.000.000 \text{ đồng} + 181.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 19.050.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 184; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng vào Điều 166; Điều 357; Điều 365; Điều 468; điểm b khoản 1 Điều 157; Điều 429; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N đối với anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D.

2. Buộc anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D trả cho bà Cao Thị N số tiền gốc và lãi tính từ ngày 01/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 381.000.000 đồng, trong đó gốc là 200.000.000 đồng, lãi là 181.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N đối với anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D về việc buộc anh Đ, chị D giao cho bà N 02 nền số 27 và 29 Hướng nam đường 14 Khu dân cư TT, khóm 3, phường 5, thành phố Bạc Liêu và phần cấu trúc xây dựng trên đất.

4. Về án phí:

Bà Cao Thị N không phải nộp án phí.

Buộc anh Trịnh Phước Đ và chị Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 19.050.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Lâm Thị Tuyết Anh